TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến

2. Ông Nguyễn Nghĩa Quy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị B, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Chu Văn B, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lưu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn B được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2007 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống làm ăn tại thôn G, xã T, huyện B, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B hay ghen tuông vô cớ, rượu chè say xỉn, đã nhiều lần bạo hành, xúc phạm chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần nói chuyện, bỏ qua cho anh nhưng anh không sửa đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng. Tháng 3/2018, vợ chồng chị tiếp tục cãi nhau và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã M, huyện T sống ly thân với anh từ đó cho đến nay, cuộc sống vợ chồng xa cách, không còn tình cảm quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định cuộc sống vợ chồng với anh B không có hạnh phúc vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là cháu Chu Thị Thu T1, sinh ngày 30/10/2007 và cháu Chu Thị Thu T2, sinh ngày 20/8/2009, hiện nay các cháu đang ở với anh B. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai cháu. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Chu Văn B trình bày (Tại bản tự khai ngày 16/5/2018): Anh thừa nhận lời khai của chị B về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng. Anh thừa nhận từ ngày hai vợ chồng anh sống ly thân anh có một vài lần bảo chị về sống chung nhưng chị không về, chị cũng không quan tâm tới cuộc sống gia đình, tình cảm với chồng và các con. Nay chị B xin ly hôn anh, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh thừa nhận có hai con chung như chị B trình bày là đúng. Ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi cả hai cháu. Anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập, kiểm tra, công khai tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị B. Về con chung: Đề nghị giao cho chị B được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Thị Thu T2, sinh năm 2009, giao cho anh B được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Thị Thu T1, sinh năm 2007. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn là anh Chu

Văn B cư trú tại thôn G, xã T, huyện B nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa thể hiện: Việc kết hôn giữa chị Lưu Thị B và anh Chu Văn B trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, anh B không tôn trọng vợ, rượu chè say xỉn, ghen tuông vô cớ đã nhiều lần chửi mắng và đuổi chị B ra khỏi nhà. Chị B đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh vẫn không sửa. Đó là nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Đầu năm 2018, chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân hoàn toàn với anh B, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Nay chị B xin ly hôn, mặc dù anh B không đồng ý nhưng trong suốt thời gian sống ly thân cũng như quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn không có bất cứ biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lưu Thị B và anh Chu Văn B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị B và anh Chu Văn B thừa nhận có hai con chung là cháu Chu Thị Thu T1, sinh ngày 30/10/2007 và cháu Chu Thị Thu T2, sinh ngày 20/8/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh B tại thôn G, xã T, huyện B. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, điều kiện về chỗ ở, thu nhập của các đương sự là như nhau, chị B có nghề nghiệp là công nhân có thu nhập ổn định khoảng 07 – 08 triệu đồng một tháng, anh B có nghề nghiệp làm bảo vệ có thu nhập khoảng 04 – 05 triệu đồng một tháng. Do vậy để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của hai cháu cần thiết giao cháu Chu Thị Thu T1 cho anh Chu Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Thị Thu T2 cho chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chị Lưu Thị B được ly hôn với anh Chu Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Thị Thu T2, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2009. Giao cho anh Chu Văn B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Thị Thu T1, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2007 (Hiện hai cháu T1, T2 đang ở cùng với anh B). Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Lưu Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002650 ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND xã T, H.B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Anh Vũ